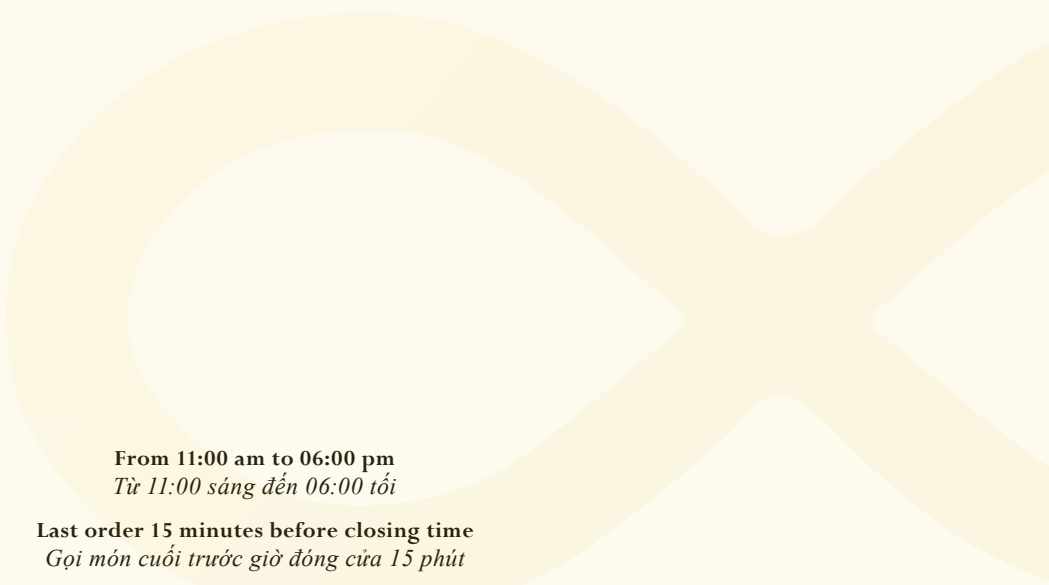




∞ I N F I N I T Y

From 11:00 am to 06:00 pm
Từ 11:00 sáng đến 06:00 tối

Last order 15 minutes before closing time
Gọi món cuối trước giờ đóng cửa 15 phút

Please select one of each caterogy, 1 soft drink is inclusive
Vui lòng chọn một món cho từng phần, đã bao gồm một phần nước ngọt

APPETIZERS & SALADS

Vietnamese Fresh Spring Rolls (P)(N)

신선한베트남 스프링롤

越式鲜虾春卷

Pork, tiger prawn, fried shallots, spring onions, Vietnamese herbs, hoisin sauce, peanut, and Vietnamese dipping sweet & sour fish sauce

Gỏi cuốn, tôm, thịt heo dùng kèm nước mắm chua ngọt, tương đậu

Vietnamese Deep Fried Spring Rolls (P)

해산물 돼지고기 프라이드 스프링롤

酥炸海鲜猪肉春卷

Pork, prawn, fried shallots, spring onions, Vietnamese herbs,

Vietnamese dipping sweet & sour fish sauce

Chả giò chiên dùng kèm nước mắm chua ngọt

Caesar Salad

씨저 샐러드

烟熏鲑鱼凯撒沙拉

Parmesan cheese, croutons, Caesar dressing, dried cherry tomatoes

Xà lách caesar, phô mai parmesan, cà chua bi sấy và sốt caesar

* Add grilled chicken - 닭가슴살 구이 추가 - 添加烤鸡胸肉 - *Thêm gà nướng*

* Add grilled tiger prawn - 구운새우 추가 - 添加烤虾 - *Thêm tôm sú nướng*

* Add smoked salmon - 훈제 연어추가 - 添熏鲑鱼 - *Thêm cá hồi xông khói*

German Sausage (P)

독일식 소세지

烤德国香肠配酸菜芥末酱

Grilled German sausage, served with sauerkraut, Dijon mustard

Xúc xích Đức nướng dùng kèm cải chua và mù tạt vàng

Soup of The Day

오늘의 수프

今日例湯

Daily soup sourced from local farms

Súp hàng ngày



Signature dish | *Món đặc trưng* | 시그니처 요리 | 招牌菜

(P) Pork dish | *Món thịt heo* | 매운 요리 | 含辣椒酱

(V) Vegetable dish | *Món chay* | 채식주의자 | 素食主义者

(N) Nuts dish | *Món hạt* | 돼지고기 요리 | 含猪肉

If you are allergic to certain food ingredients, kindly inform to your server

Xin vui lòng thông báo cho Nhân viên nếu quý khách có dị ứng với các thành phần trong món ăn

특정 한 식재료에 알레르기가 있다면, 저희 직원에게 알려주세요

如果您对某些食品成分过敏, 请通知我们

MAIN COURSES



Vietnamese Pho

베트남 소고기 쌀국수

越南牛肉粉

Rice noodles, beef tenderloin, bean sprouts, Vietnamese basil leaf, spring onions, coriander

Phở bò Việt Nam



Vermicelli Noodle Soup - Nam Vang Style (P)

남방스타일 쌀국수

越南海鲜米粉

Vermicelli noodles, prawns, squid, minced pork, quail egg, bean sprouts, spring onions, coriander

Hủ tiếu Nam Vang

Seafood Shin Ramyun (S)

해물라면

韩式海鲜汤面

Prawns, squid, crab sticks, pickled cabbage, garlic, leek, spring onions, soya sauce,

sesame oil and Shin ramen noodles

Mì Ramen kim chi hải sản

Kimchi - Jjigae (S)(P)

김치찌개

泡菜汤

Pork belly, pickled cabbage, soft tofu, garlic, leeks, spring onions, chili powder, sesame oil, steamed rice

Súp kim chi thịt heo dùng kèm với cơm trắng

“Mul Naengmyeon” Korean Cold Noodle Soup

물냉면

韩式冷面 “Mul Naengmyeon” 配上冰镇牛肉汤，黄瓜切片，白萝卜和水煮蛋

Served with chilled beef broth, topped with sliced cucumber, white radish and boiled egg

Mỳ lạnh Hàn Quốc dùng kèm nước dùng bò lạnh, dưa leo thái sợi, củ cải trắng và trứng luộc



Signature dish | Món đặc trưng | 시그니처 요리 | 招牌菜

(P) Pork dish | Món thịt heo | 매운 요리 | 辛辣辣酱

(V) Vegetable dish | Món chay | 채식주의자 | 素食主义者

(N) Nuts dish | Món hạt | 돼지고기 요리 | 含猪肉

If you are allergic to certain food ingredients, kindly inform to your server

Xin vui lòng thông báo cho Nhân viên nếu quý khách có dị ứng với các thành phần trong món ăn

특정 한 식재료에 알레르기가 있다면, 저희 직원에게 알려주세요

如果您对某些食品成分过敏，请通知我们

MAIN COURSES

Char Kway Teow (P)(S)

계란, 콩나물, 부추를 넣은 볶음

쌀국수 马来式炒粿条

Wok fried flat noodles, prawns, Chinese sausage, egg, bean sprouts, chives, chili sambal sauce

Phở xào Mã Lai



Wok Fried Glass Vermicelli with Crab Meat

게살 버미첼리 볶음

鲜蟹肉炒粉丝

Rice vermicelli, crab meat, egg, choy sum, bean sprouts, onions, carrots,

Chinese celery & ear mushroom

Miến xào thịt cua

Traditional Bun Thit Nuong (P)(N)

쌀 국수 & 돼지 고기

越式香辣烤猪肉配鲜米线, 酸甜鱼露酱

Served with lettuce, fresh herbs, fried spring rolls and sweet & sour fish sauce

Bún thịt nướng

Spaghetti - Tomato Basil Sauce/ Bolognese Sauce/ Carbonara Sauce

비프소스, 토마토, 계란크림 중 선택

意式面条与通心粉-可配酱汁-经典肉酱, 卡伯纳拉酱或番茄酱

Tomato basil, Bolognese or Carbonara served with Parmesan cheese, garlic bread

Mì Ý dùng kèm sốt cà chua, sốt bò bằm hoặc sốt kem trứng

Ham & Cheese Panini (P)

햄치즈 파니니

火腿芝士帕尼尼面包

Smoked ham, mozzarella cheese, mustard, basil pesto sauce, coleslaw salad, fries

Bánh mì Ý kẹp thịt nguội, phô mai, sốt lá quế và khoai tây chiên



Signature dish | *Món đặc trưng* | 시그니처 요리 | 招牌菜

(P) Pork dish | *Món thịt heo* | 매운 요리 | 含辣椒酱

(V) Vegetable dish | *Món chay* | 채식주의자 | 素食主义者

(N) Nuts dish | *Món hạt* | 돼지고기 요리 | 含猪肉

If you are allergic to certain food ingredients, kindly inform to your server

Xin vui lòng thông báo cho Nhân viên nếu quý khách có dị ứng với các thành phần trong món ăn

특정 한 식재료에 알레르기가 있다면, 저희 직원에게 알려주세요

如果您对某些食品成分过敏, 请通知我们

MAIN COURSES

Grilled Chicken Club (P)

그릴치킨 클럽 샌드위치

俱乐部烤鸡三明治

Fried egg, grilled chicken, smoked bacon, cheddar cheese, lettuce, tomato, white toast, fries

Bánh mì sandwich, gà nướng, trứng chiên, ba rọi xông khói, phô mai và khoai tây chiên

Beef Burger

와규 비프버거

乐部烤鸡三明治

Australian beef patty, green oak leaf, tomato, onion, cheddar cheese, mustard, fries

Bánh mì burger bò, xà lách, cà chua, hành tây, phô mai, mù tạt và khoai tây chiên

Korean Pork Spicy BBQ (S)(P)

삼겹살 BBQ | 양념 삼겹살, 양상추, 양배추, 쌈장 소스

韩式烧烤 | 烤腌制猪五花肉, 生菜, 白菜和三酱酱

Grilled marinated pork belly, spicy sauce, ssamjang sauce, lettuce, perilla leaves, Chinese cabbage

Heo ba chỉ nướng Hàn Quốc kèm sốt cay, dùng kèm xà lách, kimchi

Broken Rice with Pork Chop (P)

베트남 식 싸라기 밥과 구운 돼지 갈비살, 계란 미트 로프, 칠리 피쉬 소스

越南碎米饭, 配烤猪排、蛋肉饼、辣椒酱

Grilled pork chop, steamed egg meatloaf, steamed broken rice, sweet & sour fish sauce

Cơm tấm sườn heo, chả trứng

Caramelized Pork Belly with Fish Sauce (S)(P)

베트남 삼겹살 조림

焦糖鱼露五花肉

Pork belly, Vietnamese fish sauce, spring onion, garlic, chili, seasoning and steamed rice

Thịt heo rang cháy cạnh dùng kèm cơm trắng

Wok-Fried Chicken with Chilli Lemongrass

칠리 레몬그라스를 곁들인 워 프라이드 치킨

辣椒柠檬草炒鸡

Chicken thigh, chili, lemongrass, steamed rice and soup of the day

Gà xào sả ớt với cơm trắng và canh



Signature dish | Món đặc trưng | 시그니처 요리 | 招牌菜

(P) Pork dish | Món thịt heo | 매운 요리 | 含辣椒酱

(V) Vegetable dish | Món chay | 채식주의자 | 素食主义者

(N) Nuts dish | Món hạt | 돼지고기 요리 | 含猪肉

If you are allergic to certain food ingredients, kindly inform to your server

Xin vui lòng thông báo cho Nhân viên nếu quý khách có dị ứng với các thành phần trong món ăn

특정 한 식재료에 알레르기가 있다면, 저희 직원에게 알려주세요

如果您对某些食品成分过敏, 请通知我们

MAIN COURSES

Beef Pad Krapow (S)

비프 패드 크라포우

九层塔炒牛肉

Minced beef, basil leaves, black pepper, garlic, sunny side up, steamed rice

Bò xào lá quế

Black Pepper Beef

블랙페퍼 앵거스 비프

黑椒酱炒安格斯牛肉

Australian Angus beef, snow peas, onion, black peppercorn sauce, steamed rice

Bò sốt tiêu đen với hành tây, đậu hà lan, dùng kèm với cơm trắng



Grilled Seabass in Banana Leaf

구운 생선 바나나 잎의 농어

鱼烤香蕉叶

Marinated seabass with Vietnamese herb sauce, served with steamed rice & stir fried seasonal vegetables with garlic

Cá chẽm nướng lá chuối kèm sốt rau thơm, cơm trắng và rau củ xào tỏi

Fried Rice

볶음밥

炒饭

A choice of: seafood or vegetarian

Cơm chiên hải sản hoặc cơm chiên với rau củ

BiBimBap

비빔밥

韩国石锅拌饭

Steamed rice mixed with beef & vegetables,

topped with fried egg

Cơm trộn Hàn Quốc

Kimchi Bokkeumbap (S)(P)

돼지고기가 들어간 김치 볶음밥

泡菜猪肉炒饭

Stir fried pork belly, kimchi, fried egg,

Korean steamed rice

Cơm chiên kim chi



Signature dish | *Món đặc trưng* | 시그니처 요리 | 招牌菜

(P) Pork dish | *Món thịt heo* | 매운 요리 | 辛辣椒酱

(V) Vegetable dish | *Món chay* | 채식주의자 | 素食主义者

(N) Nuts dish | *Món hạt* | 돼지고기 요리 | 含猪肉

If you are allergic to certain food ingredients, kindly inform to your server

Xin vui lòng thông báo cho Nhân viên nếu quý khách có dị ứng với các thành phần trong món ăn

특정 한 식재료에 알레르기가 있다면, 저희 직원에게 알려주세요

如果您对某些食品成分过敏，请通知我们

SIDE DISHES

Sauteed Choy Sum with Mushrooms

버섯 초이섬 볶음

蘑菇清炒菜

Choy sum, mushrooms, garlic, oyster sauce

Cải ngồng xào nấm sốt dầu hào

Sautéed Water Spinach

마늘 – 소고기시금치 볶음

蒜茸空心菜炒 - 空心菜炒牛肉

A choice of: Fresh garlic

Rau muống xào tỏi

DESSERTS

Ice Cream

아이스크림

特色雪糕

A choice of: Matcha - Vanilla - Strawberry

Lựa chọn vị: Kem trà xanh - Kem vanilla – Kem dâu

Pomelo Platter

포멜로

柚子

Bưởi

Assorted Seasonal Fresh Fruits

제철 과일

什锦水果盘

Trái cây theo mùa



Signature dish | *Món đặc trưng* | 시그니처 요리 | 招牌菜

(P) Pork dish | *Món thịt heo* | 매운 요리 | 含辣椒酱

(V) Vegetable dish | *Món chay* | 채식주의자 | 素食主义者

(N) Nuts dish | *Món hạt* | 돼지고기 요리 | 含猪肉

If you are allergic to certain food ingredients, kindly inform to your server

Xin vui lòng thông báo cho Nhân viên nếu quý khách có dị ứng với các thành phần trong món ăn

특정 한 식재료에 알레르기가 있다면, 저희 직원에게 알려주세요

如果您对某些食品成分过敏，请通知我们